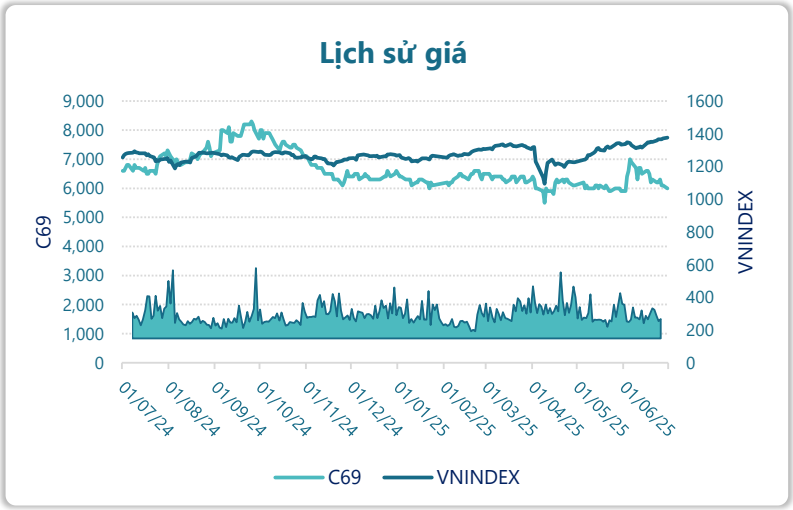
CTCP Xây dựng 1369 (HNX: C69)



Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**6,000**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	8,300
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	5,500
SL cổ phiếu LH	61,799,972
KLGD BQ 20 phiên (CP)	518,315
% sở hữu nước ngoài	1.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	371
P/E	9.5
EPS	632

DT thuần

Q2/25

249

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 68.0| 37.3%

YoY: ▲ 40.0| 18.9%

LN sau thuế

Q2/25

27.7

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 23.5| 560%

YoY: ▲ 18.9| 217%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

15.3%

+/- YoY: ▲ 7.6%

DT thuần

6T 2025

429

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 28.0| 7.1%

LN sau thuế

6T 2025

31.9

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 21.6| 211%

ROE

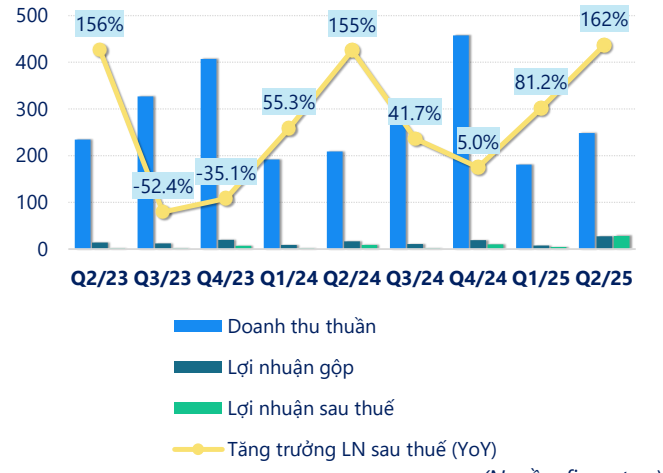
Q2/25

4.5%

+/- YoY: ▲ 2.5%

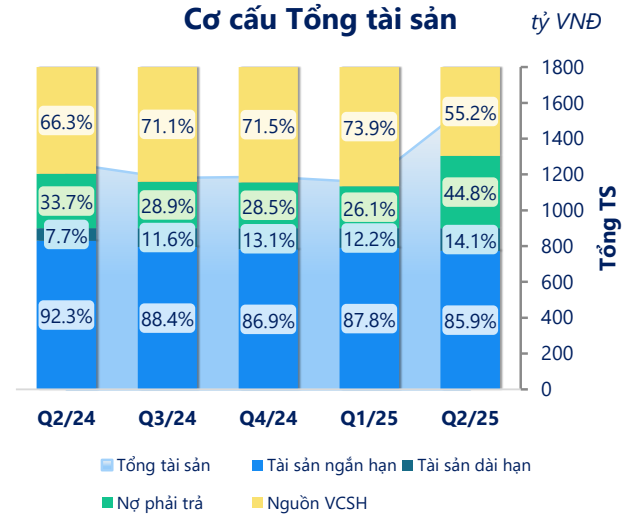
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



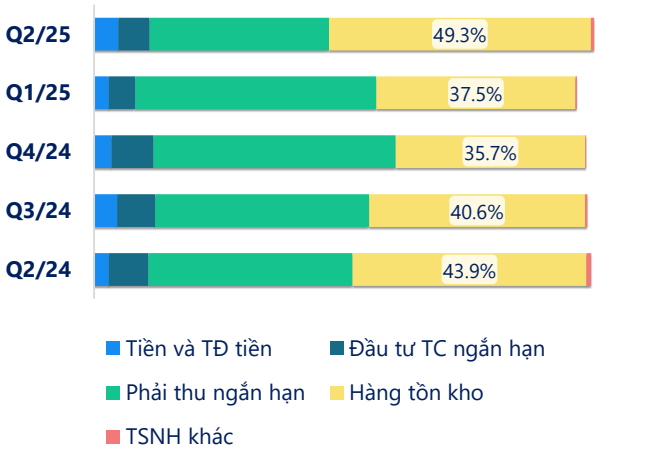
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



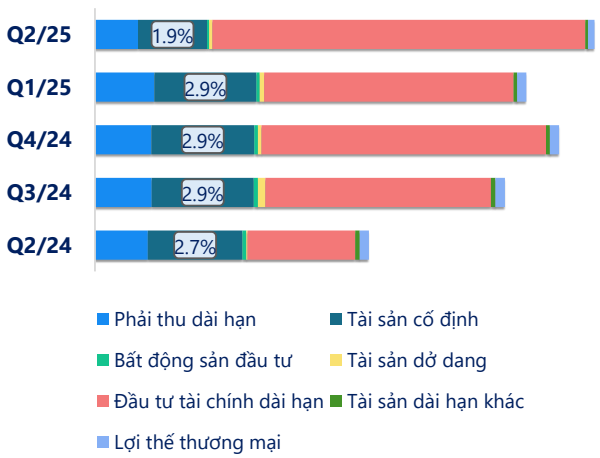
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



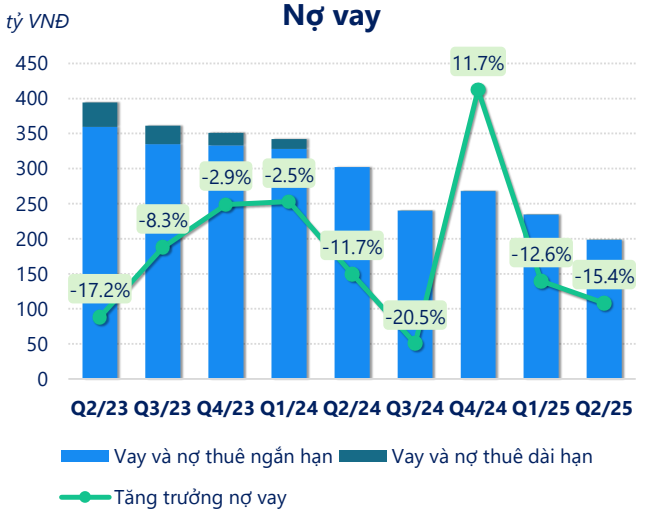
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



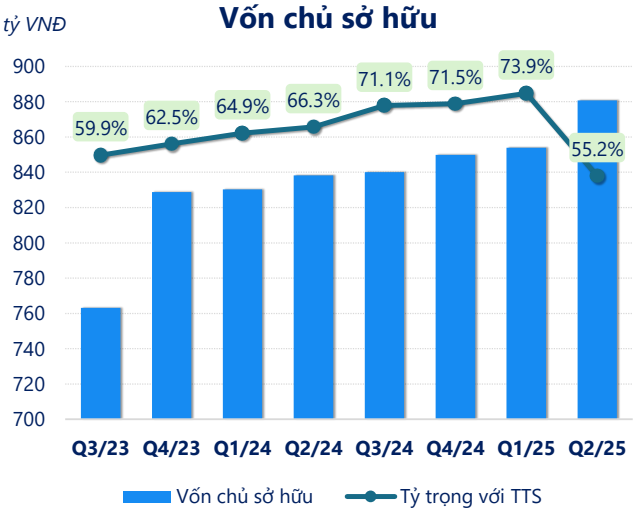
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



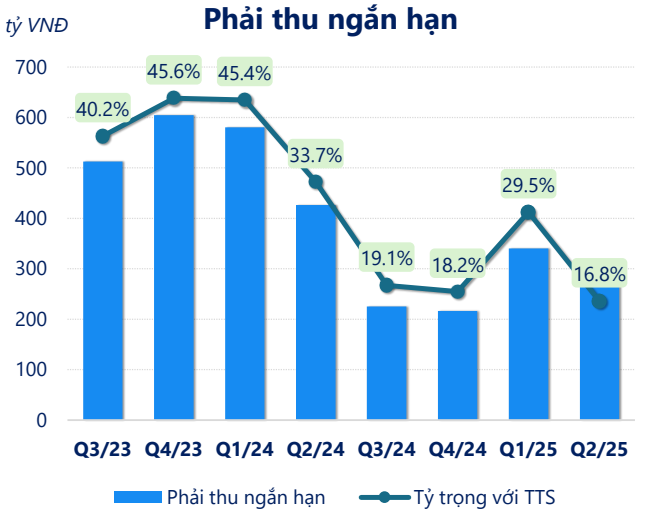
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



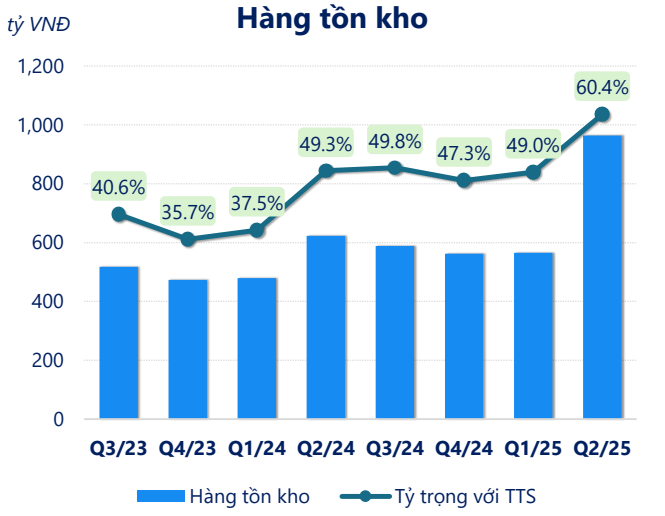
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



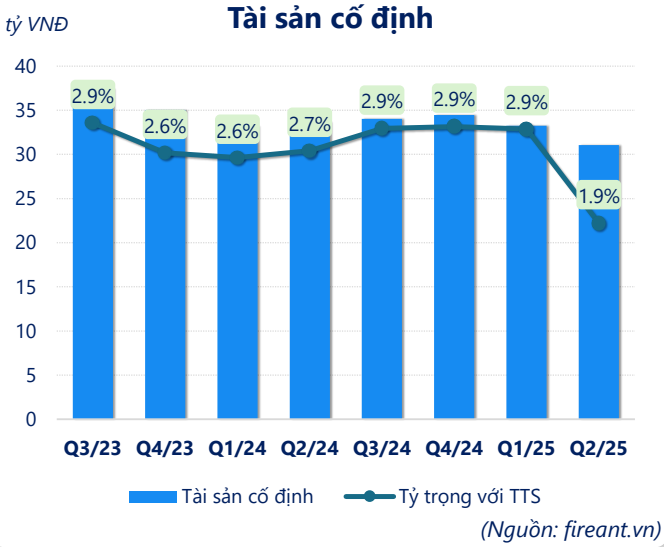
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



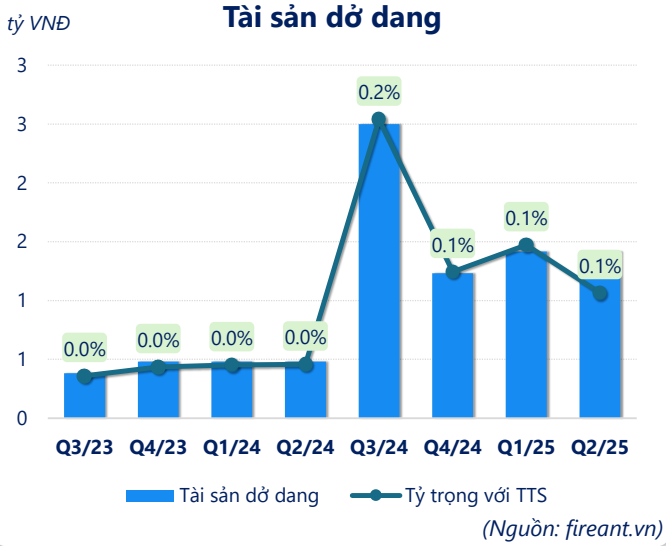
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



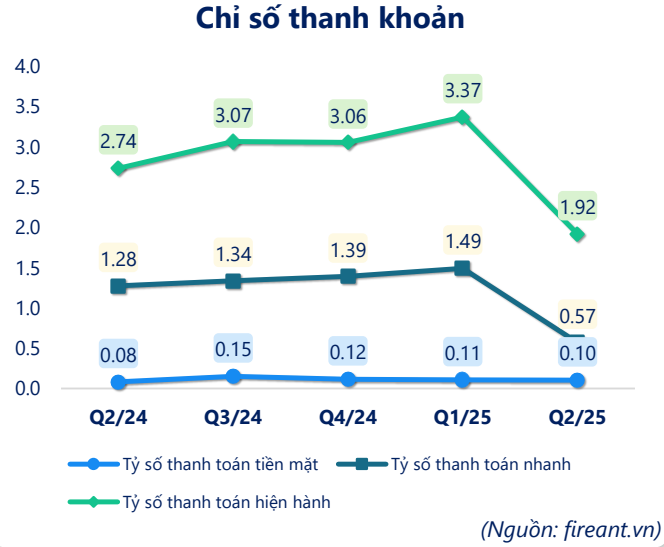
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



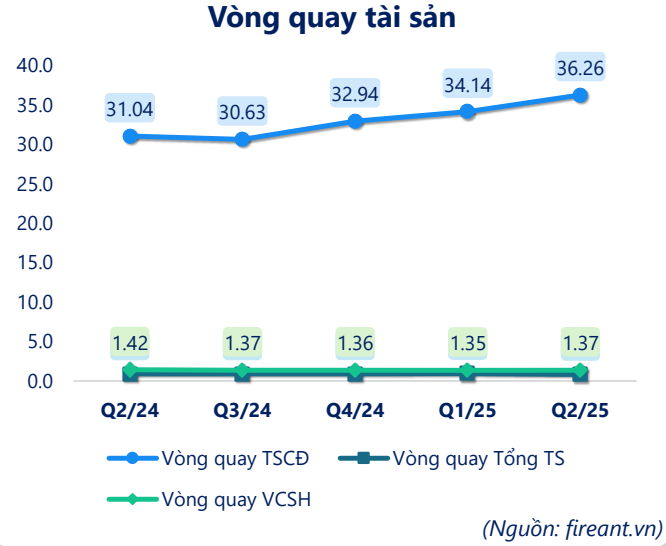
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**1,265**	**1,181**	**1,188**	**1,156**	**1,597**
Tài sản ngắn hạn	**1,167**	**1,044**	**1,033**	**1,015**	**1,372**
Tiền và tương đương tiền	35.2	51.4	38.9	31.9	73.2
Đầu tư tài chính ngắn hạn	74.1	175	213	74.1	62.9
Phải thu ngắn hạn	427	225	216	340	269
Hàng tồn kho	623	588	562	566	964
Tài sản ngắn hạn khác	8.06	4.66	1.78	2.84	2.41
Tài sản dài hạn	**97.8**	**137**	**156**	**141**	**225**
Phải thu dài hạn	18.9	18.9	18.9	19.4	19.4
Tài sản cố định	33.7	34.0	34.5	33.2	31.1
Bất động sản đầu tư	1.42	1.31	1.20	1.09	0.98
Tài sản dở dang	0.48	2.50	1.23	1.42	1.42
Đầu tư tài chính dài hạn	38.4	75.2	95.4	81.3	168
Tài sản dài hạn khác	1.66	1.45	1.25	1.19	1.28
Lợi thế thương mại	3.27	3.17	3.07	2.96	2.86
Nợ phải trả	**427**	**341**	**338**	**302**	**716**
Nợ ngắn hạn	**426**	**340**	**338**	**301**	**715**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	302	240	268	234	198
Phải trả người bán ngắn hạn	63.7	63.7	45.3	50.0	56.4
Nợ dài hạn	0.10	0.54	0.47	0.53	0.66
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0.54	0.47	0.40	0.34
Nguồn vốn chủ sở hữu	**838**	**840**	**850**	**854**	**881**
Vốn chủ sở hữu	**838**	**840**	**850**	**854**	**881**
Vốn điều lệ	618	618	618	618	618
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)